

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST
Ngày 06-01-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Quang;

Ông Kim Niệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 330/2022/TLST-DS ngày 14/10/2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp 1B, xã PH, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; ông Vũ Trọng T, sinh năm 1983; Cùng địa chỉ: Ấp 1B, xã PH, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nguyên đơn ông Phạm Văn C trình bày: Do có quen biết nên ông C có cho ông T, bà H vay số tiền 100.000.000 đồng, việc vay mượn có làm giấy tờ và ông T, bà H có ký vào. Tuy nhiên hết thời hạn theo thỏa thuận thì ông T mới trả cho ông C số tiền 45.000.000 đồng, còn số tiền 55.000.000 đồng thì ông T không trả. Nay, ông C yêu cầu ông T, bà H trả số tiền 55.000.000 đồng.

Quá trình làm việc, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn đồng ý trả cho ông C số tiền 55.000.000 đồng.

Quá trình làm việc, lấy lời khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn ông Vũ Trọng T trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 55.000.000 đồng. Tuy nhiên ông Vũ Trọng T không đồng ý ký vào các văn bản tố tụng (biên bản làm việc, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản hòa giải).

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc phần tranh luận và đối đáp, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của các đương sự thể hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 55.000.000 đồng. Lời thừa nhận của bị đơn là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Vũ Trọng T thừa nhận có nợ nhưng không đồng ý ký vào các văn bản, tuy nhiên ông Vũ Trọng T cũng không có lý do, tài liệu, chứng cứ nào để bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 55.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 55.000.000 đồng. Do đó, HĐXX xác định đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn hiện cư trú tại xã PH, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về tố tụng: Bị đơn được triệu tập họp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 55.000.000 đồng. Chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra là giấy mượn tiền có chữ ký, chữ viết của bị đơn ông Vũ Trọng T, bà Nguyễn Thị H. Bị đơn bà H thừa nhận chữ ký, chữ viết trên giấy mượn tiền là của ông T, bà H, hiện tại bà H, ông T còn nợ số tiền 55.000.000 đồng của nguyên đơn và đồng ý trả số tiền trên cho ông C. Bị đơn ông Vũ Trọng T thừa nhận chữ ký, chữ viết trên giấy mượn tiền là của ông T, bà H, hiện tại bà H, ông T còn nợ số tiền 55.000.000 đồng của nguyên đơn và đồng ý trả số tiền trên cho ông C nhưng ông T không đồng ý ký tên vào các văn bản tố tụng

(biên bản làm việc, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản hòa giải).

[3] HĐXX xét thấy: Lời khai nhận của bị đơn thừa nhận chữ ký, chữ viết trên giấy xác nhận mượn tiền 28/9/2021 là của bị đơn và hiện tại bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 55.000.000 đồng, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Vũ Trọng T không đồng ý ký vào văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên ông Vũ Trọng T cũng không có lý do, tài liệu, chứng cứ nào để bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, HĐXX có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 55.000.000 đồng cho nguyên đơn.

[4] Đối với tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 71, 92, 147, 161, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 122, 124, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn C đối với bị đơn ông Vũ Trọng T, bà Nguyễn Thị H về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bị đơn ông Vũ Trọng T, bà Nguyễn Thị H phải liên đới trả cho nguyên đơn ông Phạm Văn C số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi đối với bị đơn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho nguyên đơn số tiền 1.375.000 đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008453 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo.

Bị đơn phải nộp 2.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Mạnh